

NGƯỜI CHĂM Ở VÙNG NAM BỘ TRONG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA HIỆN NAY

Phú Văn Hãn

Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ
Email: phuvanhan@gmail.com

Ngày nhận bài: 1/11/2019

Ngày phản biện: 5/11/2019

Ngày tác giả sửa: 10/11/2019

Ngày duyệt đăng: 12/11/2019

Ngày phát hành: 20/11/2019

DOI:

Người Chăm ở vùng Nam Bộ có khoảng 30.000 người cư trú tập trung ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, Đồng Nai, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang. Hầu hết người Chăm ở vùng này đều theo tín ngưỡng Islam giáo, tiếp tục lưu giữ những giá trị truyền thống, đồng thời tiếp thu những giá trị văn hóa mới, góp phần tạo nên sự thống nhất trong đa dạng văn hóa Chăm và văn hóa các dân tộc Việt Nam. Ở Nam Bộ, với không gian sinh sống không hoàn toàn giống với những người đồng tộc gốc Chăm ở miền Trung và Nam Trung phần, đã hình thành nên những giá trị văn hóa Chăm Nam Bộ đặc thù. Tìm hiểu khả năng thích nghi và sáng tạo văn hóa của cộng đồng Chăm ở Nam Bộ để có chiến lược duy trì và phát triển phù hợp là rất cần thiết trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập và phát triển hiện nay.

Từ khóa: Dân tộc Chăm; Chăm Islam; Chăm Nam Bộ; Văn hóa Chăm; Tín ngưỡng; Tôn giáo; Phát triển bền vững.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, người Chăm cư trú tập trung trong các *palei* (hoặc *puk*) thuộc các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh, An Giang và Thành phố Hồ Chí Minh. Một số ít người Chăm còn sinh sống ở các tỉnh Tây Nguyên và một số tỉnh khác. Họ là một trong những cư dân sinh sống lâu đời trên mảnh đất Việt Nam. Về ngôn ngữ, tiếng Chăm thuộc ngữ hệ Austronesian (Nam Đảo), đại chi Malayo – Polynesian (Mã lai – Đa đảo: M - P), chi Westen Malayo – Polynesian, tiểu chi Sundic, nhóm Malayic, nhóm Achinese – Chamic, tiểu nhóm Chamic. Cùng chung tiểu nhóm này, ở Việt Nam còn có các dân tộc Êđê, Giarai, Churu, Raglai... Những phát hiện về khảo cổ học gần đây gợi lên một giả thiết rằng, chủ nhân của nền văn hóa Sa Huỳnh có thể là tổ tiên của người Chăm. Do đặc điểm cư trú và bản sắc văn hóa mang tính địa phương, người Chăm ngày nay được phân thành ba nhóm cộng đồng: Chăm Hroi tập trung ở Bình Định và Phú Yên, Chăm Panduranga tập trung ở Ninh Thuận, Bình Thuận và Chăm ở Nam Bộ.

Người Chăm trong quá trình phát triển đã hình thành bản sắc văn hóa phong phú về nội dung và đa dạng về diện mạo. Quá trình giao lưu, tiếp xúc với những yếu tố văn hóa bên ngoài tại mỗi vùng của đồng bào Chăm đã hình thành những sắc thái văn hóa đặc thù. Địa bàn cư trú tập trung ở đồng bằng, song do sinh sống gần biển và tựa lưng vào triền Đông dãy Trường Sơn, nên người Chăm

sớm biết khai thác các tiềm năng của cả biển và núi. Chính bằng đường biển mà cư dân Chăm xưa có cơ hội tiếp xúc với bên ngoài, giao lưu với nền văn minh Ấn Độ và văn hóa Islam. Dấu ấn của văn minh Ấn Độ là ảnh hưởng của đạo Phật, đạo Hindu trong việc thờ ba vị thần Shiva, Vishnu, Brahma và kiến trúc của các tháp Champa hiện còn tại các tỉnh miền Trung. Hàng trăm tác phẩm văn chương dân gian của người Chăm mang nét văn hóa Ấn cho thấy ngôn ngữ Chăm không chỉ vay mượn nhiều từ ngữ cùng gốc tiếng Pali – Sanskrit, mà mượn cả hệ thống chữ Ấn Độ (chữ ghi tiếng Pali - Sanskrit).

Sự tiếp xúc với Islam giáo xưa trên đất Champa diễn ra khá sớm, có chứng cứ từ khoảng thế kỷ X (qua văn bia bằng ký tự Jawi cổ) và rõ hơn vào thế kỷ XIV - XV, hình thành nhóm Chăm Bani. Về nguồn gốc tôn giáo, cả Chăm Bani và Chăm Islam đều chung tôn giáo Islam. Song do quá trình phát triển trong lịch sử, người *Chăm Bani* theo đạo Islam vẫn bảo tồn các yếu tố truyền thống, còn *Chăm Islam* do tiếp xúc thường xuyên với người theo Islam ở Malay, Nam Dương (nay là Malaysia, Indonesia...) và một số cộng đồng Islam ở quốc gia khác nên sinh hoạt tôn giáo khá thống nhất với người Islam ở Malaysia và các nước. Islam giáo ngày càng xâm nhập vào văn hóa Chăm, thể hiện trong tín ngưỡng tôn thờ Auluah (Allah) và các thánh thân của Islam.

Nghề làm gốm và dệt vải của người Chăm hiện nay vừa bảo lưu được vốn truyền thống, vừa là nguồn thu nhập đối với một bộ phận người Chăm. Nhưng do là một nghề thủ công xưa, kỹ thuật sản

xuất chưa được cải tiến nên hàng làm ra không đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm công nghiệp.

Hàng năm người Chăm ở mỗi địa phương đều có những ngày lễ hội. Mỗi khi có lễ hội truyền thống, không khí ở các palei Chăm luôn nhộn nhịp, sinh động như khơi dậy nguồn sinh lực mới. Ngoài hàng ngàn tác phẩm cổ đang được bảo lưu, đã có thêm nhiều tác phẩm nghiên cứu, ca, múa, nhạc về người Chăm. Các hoạt động nhằm bảo tồn và phát huy nền văn hóa nghệ thuật dân tộc Chăm cũng ngày càng được đầu tư, bồi dưỡng.

Mỗi vùng Chăm (do phát triển tự nhiên của ngôn ngữ) đã hình thành các phương ngữ riêng. Thực hiện chính sách ngôn ngữ dân tộc, chính quyền các địa phương nơi có đông người Chăm đã đẩy mạnh biên soạn chương trình dạy chữ Chăm. Ngành giáo dục cũng tổ chức nhiều hội nghị rút kinh nghiệm và muốn đưa chương trình dạy chữ Chăm akhar Thrah áp dụng trong các trường có con em người Chăm ở các tỉnh. Hiện nay, Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh và An Giang tổ chức biên soạn riêng giáo trình dạy chữ Chăm theo mẫu tự Jawi và Rumi. Khả năng người Chăm đang sử dụng chữ viết Chăm theo mẫu tự Latinh. Người Chăm không ngừng tự vươn lên hòa nhập vào xã hội văn minh, tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội và tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam cũng như hòa nhập vào sự phát triển chung của nhân loại.

2. Tổng quan nghiên cứu

Đến nay, có nhiều nghiên cứu về người Chăm và Champa trên nhiều lĩnh vực của chuyên ngành khoa học xã hội. Để có cơ sở cho việc nghiên cứu giai đoạn đến năm 2020 và các giai đoạn tiếp sau, việc nghiên cứu và phân tích tổng quan các công trình nghiên cứu về người Chăm hết sức cần thiết. Việc này vừa làm rõ những đóng góp trong lĩnh vực khoa học xã hội về người Chăm, vừa định hướng cho các nghiên cứu về người Chăm tiếp theo một cách căn bản và hữu ích.

Với bề dày lịch sử, dân tộc Chăm có một di sản văn hóa đồ sộ, góp phần làm nên sự đa dạng của bức tranh toàn cảnh bản sắc văn hóa Việt. Nền văn hóa của người Chăm cho đến nay vẫn là đối tượng hấp dẫn đối với các nghiên cứu khoa học xã hội trong và ngoài nước. Theo thống kê của Nguyễn Hữu Thông và các tác giả Phân viện Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật miền Trung, đã có 2.278 công trình về người Chăm. Chắc chắn số liệu này là chưa đầy đủ, bởi chỉ riêng các bài viết khoa học đã công bố về người Chăm của các tác giả trong và ngoài nước cũng đã có thể gấp đôi. Các nhà nghiên cứu phương Tây đã nghiên cứu về người Chăm và được đánh giá như là sự khởi đầu cho nghiên cứu người Chăm trong lĩnh vực khoa học xã hội, trong đó EFFE (Trường Viễn Đông bác cổ Pháp) là khá liên tục. Trước năm 1975, ở miền Nam, nhiều nhà nghiên cứu Hoa Kỳ, mà SIL (Viện Ngôn ngữ Mùa hè) là cơ quan có nhiều đóng

góp trong nghiên cứu ngôn ngữ và biên soạn các sách dạy và học tiếng dân tộc Chăm.

Sau năm 1975, các Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (KHXH&NV), Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTT&DL)), Bộ Giáo dục và Đào tạo và các viện nghiên cứu đều có những đóng góp đáng kể trong nghiên cứu về người Chăm. Ngành văn hóa luôn đồng hành thực hiện các công trình bảo tồn các tháp Champa, các hoạt động khuyến khích bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của người Chăm. Ngành giáo dục đào tạo nỗ lực biên soạn các sách dạy và học chữ Chăm. Trong không ít công trình khoa học và các nghiên cứu về người Chăm của Trường Đại học KHXH&NV Thành phố Hồ Chí Minh và một số trường đại học khác, có các giáo trình Chăm học. Bên cạnh đó, còn số lượng không nhỏ các khóa luận, luận văn, luận án về đề tài người Chăm. Cũng nên kể đến những công bố tại địa phương có người Chăm cư trú đông như ở Phú Yên (của Kasô Liêng...), Ninh Thuận (của Thiên Sanh Cảnh, Phan Quốc Anh, Sử Văn Ngọc, Thập Liên Trường, Trương Văn Món, Nguyễn Văn Tý, Đông Văn Dinh...), Bình Thuận (của Bồ Xuân Hồ, Nguyễn Xuân Lý, Lâm Tấn Bình, Thanh Thị Minh Hiền...).

Từ sau năm 1975, việc nghiên cứu người Chăm được các nhà khoa học của Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ chú ý nhiều hơn. Trong những năm đầu vừa thông nhất đất nước, việc nghiên cứu đã thu được những kết quả đáng ghi nhận, như: Thông báo nghệ thuật số 20 (1977), Những vấn đề dân tộc học miền Nam Việt Nam (1978) có giá trị, tổng hợp của nhiều chuyên ngành. Những bài viết của các nhà khoa học thuộc Viện và các cộng tác viên như Phan Lạc Tuyên, Lý Kim Hoa, Mahmud, Hoàng Túc, Hoàng Sĩ Quý, Sử Văn Ngọc, Cao Xuân Phô, Phạm Xuân Thông... có giá trị cho việc nghiên cứu đánh giá khoa học xã hội về người Chăm. Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh trước đây cũng đã thành lập bộ môn nghiên cứu dân tộc Chăm trong Ban Dân tộc góp phần thúc đẩy công tác nghiên cứu về dân tộc Chăm. Trong đó có thể nhắc đến những đóng góp tài liệu của Phan Văn Quỳnh, Phan Lạc Tuyên, Lê Văn Hảo, Mạc Đường, Trần Kỳ Phương...

Từ năm 1986 đến nay, Viện tiếp tục có những công trình nghiên cứu về người Chăm được xuất bản như: Người Chăm ở Thuận Hải (tỉnh Thuận Hải, 1989), Văn hóa Chăm (Nxb. Khoa học xã hội, 1991). Hoặc trong kỷ yếu hội thảo Kinh tế - văn hóa Chăm (Viện Đào tạo Mở rộng tổ chức) có nhiều bài viết giá trị của các cán bộ nghiên cứu của Viện Viện khoa học xã hội vùng Nam Bộ như Mạc Đường, Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Lạc Tuyên, Võ Công Nguyên, Nguyễn Tuấn Triết, Vương Hoàng Trù, Phan Văn Dốp, Phú Văn Hân...

Những năm gần đây, việc nghiên cứu về người Chăm có nhiều biến đổi từ nội dung đến phương pháp tiếp cận. Các công trình khoa học xã hội về người Chăm đã công bố cho thấy chủ đề nghiên cứu về người Chăm đa số tập trung vào vấn đề văn hóa tộc người, đề xuất các giải pháp, chính sách dân tộc vùng người Chăm, góp phần mở rộng hướng nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề dân tộc, tôn giáo, văn hóa hoặc nghiên cứu phục vụ tại các địa phương.

Các công trình khoa học xã hội về người Chăm cho thấy nghiên cứu điền dã được quan tâm. Phương pháp quan sát tham dự và phỏng vấn sâu được vận dụng để cho những kết quả tin cậy. Ngoài ra, phương pháp nghiên cứu liên ngành trong khoa học xã hội, nghiên cứu định tính và định lượng cũng được chú trọng. Các công trình đã công bố về người Chăm khá phong phú và giá trị về tư liệu, giúp ích cho các nghiên cứu tiếp theo, đồng thời bổ sung thông tin hữu ích về đời sống tinh thần và sinh hoạt xã hội, cũng như đời sống kinh tế người Chăm. Từ đó có cái nhìn toàn diện hơn về người Chăm nhằm hoạch định chiến lược phát triển người Chăm.

Các công trình nghiên cứu cũng đã đưa ra bức tranh toàn cảnh về phong tục, tập quán, hôn nhân, gia đình, những sinh hoạt văn hóa vật chất và tinh thần... của người Chăm, góp thêm hiểu biết về văn hóa tộc người, làm cơ sở khoa học để bảo tồn, khai thác, phát huy vốn văn hóa của người Chăm. Các công trình nghiên cứu miêu tả hoạt động sản xuất đã phân ánh đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa truyền thống tộc người Chăm, góp thêm tư liệu, cứ liệu khoa học để nghiên cứu văn hóa Chăm trong nền văn hóa Việt Nam thống nhất và đa dạng các sắc thái văn hóa tộc người.

Tín ngưỡng dân gian với nền tảng là kinh tế nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo, là nền móng trong đời sống tâm linh của cư dân Chăm, ảnh hưởng lớn đến đời sống tinh thần và sinh hoạt xã hội của người Chăm. Trong quá trình phát triển, người Chăm không chỉ dừng lại việc tiếp nhận Balamon giáo, Phật giáo, Hồi giáo mà sau này còn theo Công giáo, Tin lành, Baha'i... Những nghiên cứu về tôn giáo của người Chăm cho thấy các tôn giáo khi du nhập vào cộng đồng người Chăm đều thay đổi và có vai trò cố kết xã hội theo từng cộng đồng.

Nhìn chung, việc nghiên cứu về người Chăm mới chỉ được đề cập trong các công trình nghiên cứu về dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ, văn hóa, thiếu vắng các công trình chuyên sâu xuất phát từ mục tiêu khoa học thiết thực phục vụ cho nhiệm vụ ổn định và phát triển dân tộc Chăm, cũng như thiếu các giải pháp giúp người Chăm thuận lợi hơn trong hòa nhập và phát triển bền vững. Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu đã công bố đã giúp định hướng cho các nghiên cứu tiếp theo về người Chăm trong thời gian tới.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điền dã đã được người viết sử dụng trên cơ sở nghiên cứu thực địa, quan sát, ghi chép, chụp ảnh, ghi hình, ghi âm kết hợp phỏng vấn sâu để nắm bắt các đặc thù trong đời sống văn hóa người Chăm. Phương pháp này đã có những kết quả hết sức tin cậy. Bên cạnh đó, phương pháp nghiên cứu liên ngành trong khoa học xã hội, nghiên cứu định tính và định lượng cũng được chú trọng. Tác giả đã kết hợp phân tích và tổng hợp các tài liệu nghiên cứu thứ cấp để từ đó đề xuất được các giải pháp và định hướng cho việc phát triển văn hóa của cộng đồng người Chăm ở Nam Bộ hiện nay.

4. Kết quả nghiên cứu

Người Chăm ngày nay không ngừng tự vươn lên trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập. Tuy nhiên, người Chăm ở vùng sâu, vùng xa vẫn còn tình trạng khó khăn và đói nghèo. Xóa bỏ sự cách biệt giữa miền xuôi và miền núi, giữa dân tộc đa số và các dân tộc thiểu số trên tất cả các mặt của đời sống là đòi hỏi cấp bách của việc thực hiện chính sách dân tộc. Các kiến nghị cụ thể chỉ có ý nghĩa, tác dụng tích cực nếu có cơ sở khoa học. Kết quả thu thập được từ nghiên cứu sẽ cung cấp những cứ liệu xác thực để tham mưu cho các cấp lãnh đạo trong xây dựng và phát triển cộng đồng người Chăm.

Tìm hiểu khả năng thích nghi và sáng tạo văn hóa của cộng đồng Chăm ở Nam Bộ để có một chiến lược duy trì và phát triển phù hợp rất cần thiết trong bối cảnh Việt Nam đang phát triển và hội nhập hiện nay, bổ sung sự hiểu biết về một nếp sinh hoạt văn hóa độc đáo, pha trộn giữa tôn giáo, phong tục tập quán dân tộc và không gian văn hóa vùng Nam Bộ trong phát triển bền vững.

4.1. Cộng đồng *jammaah* tự quản của người Chăm ở Nam Bộ

Với người Việt, cộng đồng làng xã được thể hiện rõ qua sân đình và bến nước. Palei truyền thống của người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận thường gắn với nhà cộng đồng có thể là một sang Po Yang (đền thờ Thần) hoặc sang Palei (nhà Làng). Palei của cộng đồng người Chăm Bani thường có một sang magik (thánh đường Bani), hoặc hai sang magik nếu ở đó có bộ phận Bani tách ra theo tôn giáo Islam như ở palei Pamblap Klak (thôn An Nhon, Ninh Hải, Ninh Thuận); hoặc palei Ram (thôn Văn Lâm, Phước Nam, Thuận Nam, Ninh Thuận), cửa nhà và cửa làng thường mở ra theo hướng Nam. Trong khi đó, ngôi nhà của người Chăm ở Nam Bộ thường dựng quay quần bên sang majik hoặc surau, kiến trúc nhà cửa cũng không theo hướng bắt buộc theo quan niệm xưa.

Người Chăm ở Nam Bộ cư trú thành từng nhóm gia đình có quan hệ huyết thống, cùng quê, cùng đơn vị cư trú theo puk palei (làng xóm), theo

jammaah,... Jammaah là tổ chức có sự liên kết các thành viên trong cộng đồng với nhau. Tính cộng đồng jammaah làm cho người Chăm cùng hướng đến nhiệm vụ chung của dân tộc, cộng đồng mình, trở thành đặc trưng tiêu biểu trong văn hóa cộng đồng Chăm.

Người Chăm cùng sinh hoạt chung trong một cơ sở tôn giáo Islam (sang magik hay masjid/surau, còn gọi là thánh đường/tiểu thánh đường) quy tụ thành cộng đồng jammaah. Trong một jammaah chỉ có một sang magik. Các thành viên sinh hoạt tôn giáo tại surau trong cùng một jammaah đều thực hiện sinh hoạt chung lễ trọng jammaat (ngày thứ sáu trong tuần) tại sang magik của jammaah của mình. Trong mỗi jammaah, người Chăm cùng nhau chọn ra một “ban quản trị”, đứng đầu là Hakem để tổ chức các hoạt động bảo lưu giá trị cộng đồng, tương trợ nhau trong cuộc sống.

Nơi cư trú của cộng đồng (puk palei) người Chăm ở Nam Bộ gắn với hình thức các jammaah. Tên gọi các jammaah này cũng do người Chăm tự đặt theo tên gọi của các sang magik hoặc ngược lại. Tên các jammaah đều gắn với địa danh có nguồn gốc ngôn ngữ Arab được người Chăm sử dụng hoặc đã được Chăm hóa bên cạnh tên gọi gắn với địa danh hành chính (có thể bằng tiếng Chăm, tiếng Khmer, tiếng Việt hoặc địa danh khác). Ví dụ: Jammaah Azhak (ấp Châu Giang, Châu Phong, Tân Châu, An Giang)... còn gọi Jammaah Mochrut (tiếng Khmer); Jammaah Châu Giang (tiếng Việt)...; ở phường 1 quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh có Jammaah Anwar (gốc tiếng Arab) hoặc còn gọi là Jammaah Té Bàn, câu chữ Y (tiếng Việt)...

Về văn hóa cư trú, do môi trường ở Tây Nam Bộ gắn với sông nước nên hầu hết những ngôi nhà của các jammaah người Chăm đều bố trí dọc theo bờ sông, bờ kênh rạch, cửa chính các ngôi nhà hướng ra đường chính và dẫn đến sang magik trong khu cư trú. Có thể thấy, nơi nào ở Nam Bộ có sang magik hoặc surau, thì sớm muộn gì sẽ thu hút người Chăm đến cư trú hoặc nơi nào có người Chăm Islam cư trú ổn định, sẽ hình thành sang magik hoặc surau. Mỗi sang magik/surau của mỗi jammaah đều được người Chăm tại chỗ bầu chọn người uy tín, hiểu biết về đời và đạo để vào vị trí Hakem (còn gọi là giáo cả). Hakem thường chọn người đại diện là Naep (cấp phó); chọn Ahly (người giúp việc trong khuôn khổ cộng đồng jammaah); chọn cử Imam (người hướng dẫn cầu nguyện trong sang magik) và các thành viên khác, hình thành một ban Hakem (hay ban quản trị) từ 3 đến 5 người.

Hiện người Chăm ở Nam Bộ không còn bảo lưu nguyên vẹn chế độ mẫu hệ như cách của người Chăm Hroi ở Bình Định và Phú Yên hay người Chăm Panduranga ở Ninh Thuận và Bình Thuận. Ở Nam Bộ, do qui định từ Islam, con trai người Chăm được quyền hỏi vợ, cưới vợ, được phép nhận

chia tài sản và khi qua đời “ưu tiên chôn cất” gần mộ người thân (không phân biệt huyết thống bên cha hoặc bên mẹ, bên vợ bên chồng). Người Chăm Nam Bộ cũng không có nghĩa địa riêng của dòng họ (kut hoặc ghur) như người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận. Người đàn ông Chăm ở Nam Bộ được đại diện nhà gái giao ước trong lễ kết hôn và hưởng phần chia tài sản gấp đôi so với phụ nữ. Người Chăm Ninh Thuận và Bình Thuận có quan hệ gần gũi theo huyết thống bên mẹ và xác định dòng họ nhờ chung kut và ghur. Qui định của đạo Islam cho phép những người cùng huyết thống bên cha là gần hơn. Song trong đời thường ở vùng Chăm Nam Bộ, những người cùng huyết thống bên mẹ vẫn có quan hệ gần hơn. Hiện tượng này như một hình thức song hệ không hẳn do có những quan hệ rõ ràng về dòng họ, huyết thống được quy định bởi cùng nghĩa địa *kut* hay *ghur* như người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận hoặc thiên hẳn về phía cha như quy định của tôn giáo Islam. Cũng có thể thấy, ở Ninh Thuận và Bình Thuận, người Chăm trong cùng một dòng *kut* hay *ghur* là cùng huyết thống và không được phép kết hôn. Trong khi đó, người Chăm Nam Bộ chỉ cấm không kết hôn giữa anh chị em ruột, anh chị em cùng bú chung bầu vú mẹ, con ruột của vợ hoặc chồng.

Người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận thường có nghĩa địa của dòng họ (kut hoặc ghur) tổ chức theo huyết thống bên mẹ và đặt ngoài khu vực cư trú Puk Palei. Cho nên, trong những cuộc di chuyển cư trú của người Chăm trước đây thường để lại dấu vết của các kut hoặc ghur của palei cũ. Như palei Pamblap Birau (thôn Phước Nhơn, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận) trước đây có palei ở cạnh bờ biển Darak Ranaih (gần bờ biển Ninh Chữ - Đông Hải), sau đó di dời vào Kanduk (khu vực núi Cà Đú - vịnh Hòn Thiêng - Hộ Diêm), rồi chuyển vào khu vực Pamblap (khu vực Xuân Hải, Ninh Thuận) và cuối cùng tách một nửa bộ phận chuyển cư hình thành palei Pamblap Birau thôn Phước Nhơn ngày nay. Hằng năm, dân cư palei Pamblap tổ chức các lễ viếng thăm mộ ở các nghĩa địa xưa của dòng tộc vào dịp lễ Ramawan (Ramadan: tháng tịnh chay của người Chăm theo Islam). Trong khi đó, người Chăm Nam Bộ, tại khu vực cư trú Jammaah của mình chỉ có khu nghĩa địa chung đặt luôn trong khu vực sang magik, surau.

Mỗi jammaah của người Chăm Nam Bộ là đơn vị cư trú, đồng thời là đơn vị kinh tế, văn hóa và xã hội mang tính tự quản. Trong các palei (xưa) ở vùng người Chăm Ninh Thuận và Bình Thuận có tổ chức truyền thống trong quản trị ruộng đất, kênh mương (thủy lợi) mà ngày nay vẫn còn tồn tại, thể hiện qua các chức sắc *Binek* (ong Cai Lệ), các *ong Dha*, *ong Pasaih* (chức sắc phong tục), *ong Taha* (già làng)... Các hình thức này ở Nam Bộ dưới dạng các jammaah, bao gồm Hakem và các thành viên

ban quản trị thường tồn tại bên cạnh hoặc chuyển thành tổ chức tự quản mới thích hợp với quản lý hành chính và xã hội hiện tại. Các tổ chức cơ bản giống như tổ chức hành chính làng, xóm hiện nay tại địa phương và thường có người Chăm trong jammaah đảm nhiệm hoặc tham gia như là cách thay thế vai trò của po palei (chủ làng, già làng) trước đây, tham gia “quản lý tài sản” phát triển kinh tế cộng đồng, bảo tồn phát huy phong tục tập quán, bảo vệ quyền lợi, nghĩa vụ và trật tự an ninh của cộng đồng jammaah – palei.

Ở Nam Bộ, tổ chức cộng đồng jammaah có điểm tương tự như palei Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận. Tuy nhiên, phần lớn các jammaah ở đây không hoàn toàn nằm gọn trong một đơn vị hành chính giới hạn bởi khu vực cư trú là palei (thôn, xóm, khu vực,...) mà cong gồm các thành viên cùng sinh hoạt tinh thần chung một sang magik. Theo đó, có những thành viên cùng đơn vị cư trú làng xã (theo ranh giới hành chính) nhưng có thể không cùng jammaah nếu họ không tham gia sinh hoạt “tinh thần” tôn giáo chung một sang magik. Ví dụ, tại ấp Châu Giang (xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang) có tới 2 jammaah: Mubarak (thuộc Puk Yuak - xóm dưới); hoặc có người Chăm ở ngoài địa danh Châu Giang nhưng lại là thành viên jammaah của Azhak. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, nhiều thành viên cư trú ở phường 2, quận 8 không sinh hoạt tại surau Mubarak tọa lạc tại địa bàn mình cư trú mà đến sinh hoạt tại sang magik Madrasah Anwar, phường 1, quận 8. Quy định này liên quan đến đóng góp xây dựng cộng đồng jammaah cũng như các chức sắc Hakim, Naep, Ahly, người đại diện... có khả năng ảnh hưởng đến họ.

Ngoài tổ chức chính quyền, dòng họ và tôn giáo, cộng đồng Chăm Nam Bộ còn có hội đồng bộ lão. Các thành viên trong hội đồng thường gồm những người cao tuổi, có kinh nghiệm và am hiểu phong tục tập quán dân tộc. Ngày nay, tổ chức hội đồng bộ lão cộng đồng Chăm ở một số nơi theo hình thức các tổ chức hội bảo thọ, hội khuyến học, người có uy tín tham gia vai trò giải quyết những trường hợp lệch lạc truyền thống phong tục tập quán, thuần phong mỹ tục. Để tăng hiệu quả giải quyết những vấn đề của cộng đồng, Hội đồng bộ lão thường kết hợp với chính quyền, cán bộ cơ sở để tăng vai trò của mình trong cộng đồng và địa phương.

Jammaah của người Chăm là một tổ chức xã hội cộng đồng dân cư đặc thù ở Nam Bộ. Trong đó, các tổ chức tín ngưỡng tôn giáo, tổ chức xã hội và tổ chức chính quyền song song tồn tại và hoạt động trong cộng đồng người Chăm ở Nam Bộ. Các tổ chức này trong cùng jammaah thường liên kết với nhau để điều hành những vấn đề liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng và xã hội trong phạm vi cộng đồng mình. Trong công tác xây dựng nhà nước pháp

quyền, cơ chế quản lý hành chính nhà nước có vai trò chủ đạo trong vận hành xã hội. Song quá trình xây dựng và cải biến cơ chế quản lý xã hội, sự quan tâm thích đáng những yếu tố của tổ chức xã hội truyền thống được chú ý kết hợp và vận dụng hợp lý các tổ chức xã hội truyền thống với những yếu tố tích cực trong phong tục tập quán, trong truyền thống văn hóa cộng đồng trong phát triển hiện tại.

4.2. Islam giáo trong văn hóa Chăm ở Nam Bộ

Nam Bộ có vị trí địa lý thuận lợi cho việc giao lưu, là nơi trung chuyển các đợt di dân, là vùng tiếp nhận các yếu tố văn hóa từ bên ngoài du nhập vào trong suốt tiến trình lịch sử. Nam Bộ cũng là nơi hiện diện các tôn giáo lớn trên thế giới (Phật giáo, Kitô giáo, Islam), và các tôn giáo trong khu vực (như Ấn Độ giáo, Nho giáo, Đạo giáo...). Có thể nói, Nam Bộ là bức tranh thu nhỏ, nơi hội tụ điều kiện thuận lợi của điều kiện tự nhiên xã hội. Do vậy, văn hóa cộng đồng Chăm Nam Bộ vừa độc đáo, vừa đảm bảo đặc thù của cộng đồng tộc người trong một vùng đa dân tộc, đa văn hóa, vừa có điều kiện hòa nhập cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Người Chăm Nam Bộ xem kinh Qur'an là kim chỉ nam cho mọi hành động, bao gồm giáo lý, các tín điều, nguyên tắc tổ chức xã hội, luân lý, đạo đức. Vì vậy, những quy định trong kinh Qur'an đã trở thành “bất di, bất dịch”, không thể tự tiện thay đổi đối với cộng đồng Chăm. Trong văn nghệ, cộng đồng Chăm cho phép hát các đoạn kinh Qur'an phổ nhạc. Nhưng các bản nhạc về kinh Qur'an thường có âm điệu buồn, chỉ phù hợp trong sinh hoạt tôn giáo. Hiện người Chăm có một số bài hát cộng đồng thể theo thể loại tân nhạc. Người Chăm không khuyến khích nghe những loại nhạc gây nên sự cuồng loạn trong lòng người nghe. Thịnh thoàng các cô gái Chăm cũng tham gia biểu diễn các điệu múa truyền thống trong các dịp sinh hoạt văn nghệ. Những phong tục tập quán truyền thống trái với quy định của giáo luật Islam đều không được đề cao.

Hôn nhân người Chăm được khuyến khích bởi những lý do như tăng nguồn lực lao động, phát triển (dân số) cộng đồng, ngăn ngừa tội lỗi do tình dục gây ra. Hôn nhân con di ở người Chăm Nam Bộ được khuyến khích. Trong khi đó loại hôn nhân này bị xem là loạn luân, do tính mẫu hệ quy định ở vùng người Chăm Ninh Thuận và Bình Thuận. Mặc dù bị chi phối của yếu tố phụ hệ Islam, nhưng ở người Chăm Nam Bộ vẫn tồn tại một số biểu hiện mẫu hệ của tập tục cổ truyền như tục đưa rê, tục cư trú bên vợ sau hôn nhân, nghi lễ chính trong đám cưới được tổ chức bên nhà gái. Tàn dư mẫu hệ còn thấy qua tục cô dâu chú rể tranh nhau mò các đồng tiền đựng trong một chiếc ô đồng chứa nước (trong lễ cưới) để đoán biết người nắm chủ quyền gia đình sau này và cô dâu bao giờ cũng mò được số lượng tiền đồng nhiều hơn.

Lễ tang của người Chăm Nam Bộ khác với

người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận. Người chết trong vòng 24 tiếng phải được hoàn tất việc chôn cất. Người Chăm Islam không sử dụng quan tài mà chỉ quấn vải liệm. Về tục thờ cúng tổ tiên, do xuất phát từ quan niệm cho rằng người chết là về với Allah nên con cháu không phải thờ phụng hay lập bàn thờ. Tuy nhiên, người Chăm Islam vẫn tổ chức các buổi cầu nguyện vào các ngày thứ bảy, ngày thứ mười, một tháng, bốn tháng hoặc vào một ngày thuận tiện nào đó sau tang lễ và tục viếng mộ vào dịp lễ trọng theo lịch Islam. Việc thờ cúng tổ tiên không đặt thành các nghi lễ cầu kỳ mà diễn ra với việc đọc kinh cho người chết sau khi chôn cất. Người Chăm Nam Bộ không làm tuần, làm giỗ như người Chăm Jat hoặc Chăm Bani. Ngày kỷ niệm người qua đời có thể tổ chức vào bất cứ lúc nào khi gia đình có điều kiện, chứ không ấn định ngày. Trong ngày đó, người ta mời những người đồng đạo (Islam) đến đọc kinh cầu nguyện, cũng có khi mang lễ vật đến chúc sắc Imam nhờ cầu kinh hộ. Người Chăm tin chỉ có Allah mới có quyền ban phúc hay giáng họa cho con người, nên không thể cầu xin vong linh tổ tiên (người đã khuất) che chở hay phù hộ điều gì cho người sống.

Do những nguyên nhân lịch sử diễn ra trong suốt thời gian rời cố hương và định cư ở tả ngạn sông Tiền, cù lao Katambong và ở vùng Châu Đốc, Tân Châu, dọc theo hai bờ sông Hậu; rồi di cư lên Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn nay là Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước làm cho đời sống văn hóa cộng đồng Chăm ở Nam Bộ có những biến đổi so với cộng đồng Chăm Jat (bộ phận Chăm duy trì Balamon) và cộng đồng Chăm Bani ở Ninh Thuận và Bình Thuận. Người Chăm Nam Bộ lưu truyền một cách mở nhạt về các lễ hội cổ truyền như Katê, Cabur, Rija... và thay vào đó là các tập tục Islam như cầu nguyện 5 lần mỗi ngày, hành hương đến Makah (thánh địa Mecca) hằng năm, thực hiện tháng chay tịnh Ramadan... như là nhiệm vụ tín ngưỡng thường xuyên hơn và kinh Qur'an của Islam được xem là chuẩn mực cho văn hóa xã hội của cộng đồng.

Thêm vào đó, với những thay đổi về địa bàn cư trú, hoạt động kinh tế, giao lưu văn hóa, những chuyển đổi, thay đổi của môi trường nông thôn, tập tục ở nhà sàn, nhà tranh vách đất dần được thay thế phù hợp với kết cấu nhà như ở thành thị hoặc vùng đô thị hóa ở người Chăm Nam Bộ. Trong quá trình phát triển hiện nay, đường sá được mở rộng và được bê tông hóa, cơ sở hạ tầng ngày càng cải thiện, những ngôi nhà sàn xưa của người Chăm Nam Bộ được thay bằng những ngôi nhà trệt, tường gạch, lợp tôn hoặc ngói. Cách bài trí trong nhà cũng thay đổi, nếu ngôi nhà sàn trước đây, phòng ngủ, phòng khách, phòng cầu nguyện đều nằm trong nhà chính, nhà bếp, nơi ăn nơi ngủ nằm phía sau, nhà vệ sinh và phòng tắm nằm cách chỗ ăn ở. Thì hiện nay, phần

lớn nhà vùng Chăm Nam Bộ đều gọn trong khuôn viên của ngôi nhà có diện tích khoảng vài chục đến một trăm mét vuông. Cách bài trí được chia theo chiều dài của ngôi nhà, phía trước là phòng khách, đến phòng ngủ, phòng ăn, phòng tắm, vệ sinh.

Trong sự phát triển sôi động hiện nay, ở nông thôn hay ở đô thị, cộng đồng Chăm Nam Bộ đều sống xen kẽ với các cộng đồng tộc người khác, trong đó có người Hoa, người Khmer và người Việt. Cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật cũng như sự hội nhập của các nền văn hóa trên thế giới, lối sống cũng như cách sống của người dân Nam Bộ hiện nay, người Chăm luôn điều chỉnh mình cho phù hợp với cuộc sống hiện đại. Chính nơi đây, cộng đồng tộc người Chăm đã lưu giữ bản sắc văn hóa đặc trưng để không hòa tan vào cộng đồng khu vực chung.

Văn hóa Chăm biến đổi theo cách riêng trong môi trường đa văn hóa ở Nam Bộ. Người Chăm không những có các khu vực cư trú riêng, có những biểu trưng kiến trúc sang magik hay surau của tôn giáo Islam trong cộng đồng, mà còn có cách ăn, cách mặc, cách sinh hoạt cũng đặc thù so với các cộng đồng tộc người xung quanh. Cách ăn bốc bằng tay phải của người Chăm được cho đó là một nét tiêu biểu, đã tồn tại trong suốt quá trình chuyển cư đến và định cư lâu dài ở người Chăm vùng Nam Bộ. Trong khi đó, người Việt, người Hoa bên cạnh đã dùng đũa, muỗng nay khá thành thạo với dao nĩa (như văn hóa "ăn" của phương Tây). Trong cách mặc của người Chăm ở Nam Bộ cũng khác so với các cộng đồng tộc người xung quanh. Đành rằng, mỗi tộc người có phong cách trang phục riêng biệt, nhưng sự riêng biệt ấy thường chỉ thể hiện ở những vùng cao, vùng sâu, nơi ít diễn ra quá trình giao lưu và hội nhập văn hóa thì cách ăn mặc của các cộng đồng dân tộc gần như có điểm chung. Đó là quần tây, áo sơ mi khi ra đường; vét-tông của chú rề, xoa-rê của cô dâu trong ngày cưới; đồ bộ hoặc áo thun, quần soọc khi ở nhà hoặc bộ bà ba... Nhưng, đối với cộng đồng Chăm Nam Bộ thì tính chất chung này hầu như không hoàn toàn phổ biến. Người Chăm ở Nam Bộ vẫn dùng trang phục truyền thống như đối với nam giới thì đội mũ *kapiak* (loại mũ được may bằng vải trắng đặc trưng của người Chăm theo đạo Islam) hoặc khăn *sal* hay *haji* (loại khăn dài dành cho những người đã hoàn thành chuyến hành hương Mecca), hàng ngày mặc áo *bà lai* (loại áo cổ đứng, xẻ ba nút, tròn đầu) và quần *sarong* (tấm vải dài quấn quanh người từ thắt lưng đổ xuống); còn đối với nữ giới thì đội khăn *maom* (khăn bằng vải katê, có kim tuyến viền hai bên), mặc áo *tah* (loại áo tròn cổ, giống áo dài nhưng bít tòi) và quần *chăn kak* (giống váy dài có màu đen).

Về phương diện ẩm thực, người Chăm tuân thủ theo qui định *halal* của Islam. Theo đó Halal là loại thực phẩm được điều chế từ thực vật, từ thủy sản,

hải sản; cấm sử dụng các sản phẩm được điều chế từ chất có trong con heo, các con vật dùng hai chi trước đưa thức ăn vào miệng (như mèo, beo...), các con vật sống hai môi trường (như rắn, ếch nhái,...); còn thịt các con vật (như gà, vịt, dê, bò) đều phải do chính người Islam cắt tiết, bỏ máu và đọc đoạn kinh (takbia) đúng nghi thức Islam. Thuốc lá cùng với một số thức uống có men như rượu, bia thuộc loại cấm kỵ makroh (không sử dụng thì tốt hơn). Trầu cau tuy xếp vào makroh nhưng tập tục ăn trầu vẫn gặp ở các phụ nữ Chăm lớn tuổi sử dụng. Trầu cau còn là lễ vật không thể thiếu trong lễ như cưới xin. Người Chăm vẫn còn thích dùng tay phải bốc thức ăn được cho là một tập tục thể hiện sự thân thiện được ưa chuộng trong cộng đồng. Cách ăn, mặc của người Chăm ở Nam Bộ vừa có sự ràng buộc bởi Islam vừa được giữ gìn theo truyền thống đã trở thành một yếu tố văn hóa đặc trưng, giúp người Chăm không dễ lẫn lộn với các dân tộc khác trong vùng.

4.3. Người Chăm ở Nam Bộ trong giao lưu, hội nhập văn hóa hiện nay

Tính cởi mở trong giao tiếp của cuộc sống hiện đại đã ít nhiều tác động tích cực đến việc tiếp xúc với bên ngoài. Người Chăm Nam Bộ trong quá trình phát triển cũng đã từng bước dung hòa yếu tố Islam với văn hóa truyền thống Chăm và văn hóa của các cộng đồng tộc người sống xung quanh. Cộng đồng Chăm Nam Bộ tuân thủ chặt chẽ giáo lý của Islam. Sức mạnh của tín ngưỡng giáo lý đã làm thay đổi nhiều quan niệm, nếp sống đặc trưng của dân tộc nhưng không hoàn toàn đoạn tuyệt với quá khứ. Chẳng hạn, chế độ mẫu hệ của người Chăm tuy phải nhường bước cho những đức tin Islam, nhưng người phụ nữ Chăm không hoàn toàn bị ràng buộc nặng nề.

Văn hóa Chăm ở Nam Bộ đã không ngừng phong phú thêm về nội dung do sự phát triển nội tại của cộng đồng và sự tiếp thu những yếu tố văn hóa bên ngoài. Người Chăm ngày nay không ngừng vươn lên hòa nhập vào xã hội văn minh, tích cực tham gia trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập. Từ cái trục vừa có tính cốt lõi, vừa có vị trí nền tảng, các yếu tố văn hóa vật chất, tinh thần cũng như tổ chức cộng đồng dân tộc mang tính thống nhất và đa dạng của nó. Tính thống nhất trong cộng đồng Chăm ở Nam Bộ được thấy trong việc hình thành khu cư trú, cách thức ở nhà sàn, ăn uống theo halal, mặc váy thổ cẩm với áo dài bít tà, tổ chức cộng đồng làng xã theo jammaah, vòng đời cá nhân theo lễ nghi Islam, cùng lưu truyền về nguồn gốc, cội nguồn dân tộc, yêu lao động, đề cao giá trị cộng đồng...

Nam Bộ có một vị trí địa lý thuận lợi cho việc giao lưu với các vùng khác nhau, là nơi tiếp nhận, là trạm trung chuyển các đợt di dân, là vùng tiếp nhận các yếu tố văn hóa từ bên ngoài du nhập vào

trong suốt tiến trình lịch sử. Nam Bộ cũng là nơi có sự hiện diện của các tôn giáo lớn trên thế giới (Phật giáo, Kitô giáo, Islam), và các tôn giáo trong khu vực (như Ấn Độ giáo, Nho giáo, Đạo giáo...). Có thể nói Nam Bộ là bức tranh thu nhỏ, là nơi hội tụ những điều kiện thuận lợi của điều kiện tự nhiên và xã hội. Do vậy, văn hóa cộng đồng Chăm ở Nam Bộ vừa độc đáo, vừa đảm bảo tính đặc thù của cộng đồng tộc người trong một vùng đa dân tộc, đa văn hóa vừa có điều kiện hòa nhập vào cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.

Người Chăm ở Nam Bộ xem kinh Qur'an là kim chỉ nam cho mọi hành động, bao gồm giáo lý, các tín điều, nguyên tắc tổ chức xã hội, luân lý, đạo đức, luật pháp,... Vì vậy, những quy định trong kinh Qur'an đã trở thành "bất di, bất dịch", không thể tự tiện thay đổi đối với cộng đồng Chăm. Về phương diện ẩm thực, giáo luật Islam cho phép dùng thịt các loại động vật như gà, vịt, dê, bò... nhưng phải do chính tay người Chăm Islam đọc kinh Takbia trước khi cắt tiết, còn thịt heo bị cấm tuyệt đối vì nó nằm trong điều harām (cấm tuyệt đối). Những thức ăn đã dùng để cúng bái (các thần linh khác) cũng bị cấm sử dụng. Thuốc lá cùng với một số thức uống có men như rượu, bia thuộc loại cấm kỵ makroh (xếp vào loại không dùng thì tốt hơn). Trầu cau tuy xếp vào makroh nhưng tập tục ăn trầu vẫn gặp ở các phụ nữ Chăm lớn tuổi. Trầu cau còn là lễ vật không thể thiếu trong những buổi lễ trang trọng như cưới xin. Ăn bốc là một tập tục truyền thống của các tín đồ Islam thể hiện sự thân thiện và bình đẳng giữa các tín đồ. Tập quán này được ưa chuộng trong cộng đồng Chăm, nhưng tập quán ăn đũa cũng khá phổ biến hiện nay, nhất là trong các buổi tiệc có sự tham dự của người Việt.

Trong văn nghệ, cộng đồng Chăm cho phép hát các đoạn kinh Qur'an phổ nhạc. Nhưng các bản nhạc về kinh Qur'an thường có âm điệu buồn, chỉ phù hợp trong sinh hoạt tôn giáo. Hiện người Chăm có một số bài hát cộng đồng thể theo thể loại tân nhạc. Người Chăm không khuyến khích nghe những loại nhạc gây nên sự cuồng loạn trong lòng người nghe. Thỉnh thoảng các cô gái Chăm cũng tham gia biểu diễn các điệu múa truyền thống trong các dịp sinh hoạt văn nghệ nhưng ít được cộng đồng Chăm cổ vũ. Những phong tục tập quán truyền thống nào trái với quy định của giáo luật Islam đều không được đề cao đề bảo lưu. Kinh Qur'an bao gồm giáo lý, các tín điều, nguyên tắc tổ chức xã hội, luân lý, đạo đức, luật pháp,... Những quy định của kinh Qur'an là bất khả xâm phạm, là chuẩn mực cho mọi sinh hoạt và các tín đồ không được phép thay đổi.

Hôn nhân trong người Chăm được khuyến khích bởi những lý do như tăng nguồn lực lao động, phát triển (dân số) cộng đồng, ngăn ngừa tội lỗi do tình dục gây ra. Loạn luân là một tội rất nặng vì đó là điều mà Allah đã cấm và được ghi trong kinh Qur'an

(điều 27 chương IV). Hôn nhân con di ở người Chăm Nam Bộ được khuyến khích. Trong khi đó loại hôn nhân này bị xem là loạn luân, do tính mẫu hệ quy định ở vùng người Chăm Ninh Thuận và Bình Thuận. Mặc dù bị chi phối của yếu tố phụ hệ Islam, nhưng ở người Chăm ở Nam Bộ vẫn còn tồn tại một số biểu hiện mẫu hệ của tập tục cổ truyền như tục đưa rê, tục cư trú bên vợ sau hôn nhân, nghi lễ chính trong đám cưới được tổ chức bên nhà gái. Tàn dư mẫu hệ còn thấy qua tục cô dâu chú rể tranh nhau mò các đồng tiền đựng trong một chiếc ô đồng chứa nước (trong lễ cưới) để đoán biết người nắm chủ quyền gia đình sau này và cô dâu bao giờ cũng mò được số lượng tiền đồng nhiều hơn.

Lễ tang của người Chăm ở Nam Bộ khác so với người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận. Người chết trong vòng 24 tiếng đồng hồ phải được hoàn tất việc chôn cất. Người Chăm Islam không sử dụng quan tài mà chỉ quấn vải liệm. Về tục thờ cúng tổ tiên, do xuất phát từ quan niệm cho rằng người chết là về với Allah nên con cháu không phải thờ phụng hay phải lập bàn thờ. Tuy nhiên người Chăm Islam vẫn tổ chức các buổi cầu nguyện vào các ngày thứ bảy, ngày thứ mười, một tháng, bốn tháng hoặc vào một ngày thuận tiện nào đó sau tang lễ và tục viếng mộ vào dịp cuối năm theo lịch Islam. Việc thờ cúng tổ tiên không đặt thành các nghi lễ cầu kỳ mà chỉ diễn ra với một vài buổi đọc kinh cho người chết sau khi chôn cất. Người Chăm Nam Bộ không làm tuần, làm giỗ linh đình như người Chăm Jat hoặc Chăm Bani. Ngày kỷ niệm người quá cố qua đời có thể tổ chức vào bất cứ lúc nào khi gia đình có điều kiện thuận lợi, chứ không bắt buộc vào những ngày nhất định. Trong ngày đó, người ta mời những người đồng đạo (Islam) đến đọc kinh cầu nguyện, cũng có khi người ta mang lễ vật đến chức sắc Imam nhờ cầu kinh hộ. Người Chăm tin chỉ có Allah mới có quyền ban phúc hay giáng họa cho con người, nên không thể cầu xin vong linh tổ tiên (người đã khuất) che chở hay phù hộ điều gì cho người sống được.

Người Chăm ở Nam Bộ có hai quan niệm khác nhau về thờ cúng tổ tiên. Một phái tán thành việc đọc kinh, cầu nguyện cho ông bà tổ tiên tại gia đình hoặc tại thánh đường, phái này chiếm đa số trong cộng đồng. Phái thứ hai cho rằng việc thờ cúng tổ tiên không đúng giáo luật Islam. Vì thế, tục thờ cúng tổ tiên đã phân hóa cộng đồng Chăm Nam Bộ thành hai nhóm khác nhau. Sự giao thoa giữa tôn giáo và tín ngưỡng trong xã hội người Chăm Nam Bộ thể hiện sự tương tác giữa văn hóa bản địa và văn hóa phi bản địa, làm biến đổi các tập tục bản địa dưới tác động của tôn giáo mà những khác biệt trong tập tục thờ cúng tổ tiên ở người Chăm ở Nam Bộ là điển hình.

Nhìn chung, văn hóa trong cách nhìn kiến tạo xã hội (social construction) là những biểu trưng tập thể, những giá trị chuẩn mực và định chế cho phép

con người lập thành nhóm xã hội có một cố kết bên trong đời sống cộng đồng hay xã hội, hệ thống hóa những nhận thức, cảm nhận và hành vi trong thực tiễn. Văn hóa nảy sinh có thể từ bên trong hoặc bên ngoài cộng đồng xã hội, song nó luôn tham gia vào quá trình cấu trúc hóa các quan hệ xã hội của cộng đồng, thay đổi để thích ứng với trạng thái xã hội mà nó tham gia, mà cộng đồng Chăm ở Nam Bộ là một điển hình.

Người Chăm ở Nam Bộ trong quá trình phát triển đã từng bước dung hòa yếu tố Islam với văn hóa truyền thống dân tộc Chăm. Sức mạnh của giáo lý Islam đã làm thay đổi nhiều quan niệm, nếp sống đặc trưng của dân tộc nhưng không hoàn toàn đoạn tuyệt với quá khứ. Trong công tác xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay, cơ chế quản lý hành chính nhà nước có vai trò chủ đạo trong vận hành xã hội. Song quá trình xây dựng và cải biến cơ chế quản lý xã hội, sự quan tâm thích đáng những yếu tố hợp lý của tổ chức xã hội truyền thống được chú ý kết hợp và vận dụng hợp lý các tổ chức xã hội truyền thống với những yếu tố tích cực trong phong tục tập quán, trong truyền thống văn hóa cộng đồng. Cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật cũng như sự hội nhập của các nền văn hóa, lối sống cũng như cách sống hiện nay, người Chăm đã lưu giữ bản sắc văn hóa đặc trưng để hòa nhập mà không hòa tan. Trong quá trình chuyển đổi, nhiều lớp văn hóa cũ, mới hội nhập, chuyên hóa lẫn nhau song những nét văn hóa truyền thống Chăm vẫn đang được lưu giữ, tiếp tục khôi phục và phát huy và phát triển.

5. Kết luận

Văn hóa Chăm Nam Bộ được xây dựng trong suốt quá trình tồn tại và phát triển và trở thành các giá trị, các quan niệm, tập quán, truyền thống ăn sâu vào hoạt động của cộng đồng, chi phối tình cảm, nếp suy nghĩ và hành vi của mọi thành viên trong việc theo đuổi và thực hiện các mục đích của cộng đồng dân tộc mình. Văn hóa Chăm Nam Bộ góp phần tạo nên truyền thống, là đặc trưng riêng ở Nam Bộ. Phát huy, phát triển bền vững các giá trị văn hóa cộng đồng Chăm Nam Bộ đòi hỏi chúng ta không ngừng tìm hiểu, am hiểu thật tận tường. Chú trọng nâng cao năng lực tổ chức đại diện cộng đồng cũng như các chức sắc, chức việc trong hoạt động văn hóa tín ngưỡng, phong tục tập quán, xây dựng quy ước, hương ước trên cơ sở lợi ích dân tộc quốc gia là phương cách phát triển cộng đồng Chăm Nam Bộ thiết thực và bền vững. Bên cạnh đó, các chính sách đầu tư phát triển cộng đồng, phát triển giáo dục, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội... cần tiếp tục triển khai, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng cho phù hợp, tạo cơ hội tốt nhất để cộng đồng Chăm có thể tự nâng cao cuộc sống cho mình, mạnh dạn trong hòa nhập và phát triển, góp phần tiếp tục bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa người Chăm ở Nam Bộ.

Tài liệu tham khảo

- An, P., Biên, P. X., & Dốp, P. V. (1991). *Văn hóa Chăm*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Hãn, P. V. (n.d.). *Một số vấn đề cơ bản trong phát triển bền vững ở dân tộc Chăm hiện nay*. Mã số: CTDĐT.15.17/16-20, do Phú Văn Hãn làm chủ nhiệm.
- Hãn, P. V. (1995). *Bản sắc văn hóa Chăm ở Nam Bộ*. Báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học văn hóa nghệ thuật Champa, Đại học Tổng hợp TPHCM. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hãn, P. V. (2001). Cộng đồng Islam Việt Nam - Sự hình thành, hoà nhập, giao lưu và phát triển. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, Số 1*.
- Hãn, P. V. (2005). *Đời sống văn hóa và xã hội người Chăm thành phố Hồ Chí Minh* (chủ biên). Nxb. Văn hóa Dân tộc.
- Hãn, P. V. (2006). *Hiện trạng nghiên cứu khoa học xã hội về người Chăm Nam Bộ (1996 - 2006) và những mục tiêu nghiên cứu trước mắt*. Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ
- Hãn, P. V. (2014). Tình hình nghiên cứu người Chăm trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. *Tạp chí Khoa học Xã hội, Số 3*. Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ
- Hãn, P. V., & Thắng, S. M. (2018). *Văn hóa các dân tộc thiểu số tại chỗ vùng Tây Nam Bộ - Những vấn đề đặt ra trong phát triển bền vững* (Đồng chủ biên). Nxb. Khoa học Xã hội.
- Luận, N. V. (1974). *Người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam phần Việt Nam*. Bộ Văn hóa-Giáo dục-Thanh niên. Sài Gòn.
- Mod, M. (1975). Đặc điểm gia đình, thân tộc và xã hội của đồng bào Chăm. Trong *Những vấn đề dân tộc học ở miền Nam Việt Nam* (Tập 2, quyển 2). Viện Khoa học Xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh
- Ngũ, N. K. (1967). *Mẫu hệ Chăm*. Sài Gòn: Tủ sách Khoa học Nhân văn.
- Trù, V. H., & Hãn, P. V. (2012). *Một số vấn đề về dân tộc và tôn giáo ở Nam Bộ trong phát triển* (đồng chủ biên). Viện KHXH Việt Nam.
- www.arthistory.sbc.edu/images/woman/egyptmarriarchy.html
- www.bachkhoatoanthu.gov.vn

THE CHAM PEOPLE IN THE SOUTHERN REGION IN PRESENT CULTURAL DEVELOPMENT

Phu Van Han

Southern Institute of Social Sciences
Email: phuvanhan@gmail.com

Received: 1/11/2019
Reviewed: 5/11/2019
Revised: 10/11/2019
Accepted: 12/11/2019
Released: 20/11/2019

DOI:

Abstract

Cham people in the Southern region have about 30,000 people living in Ho Chi Minh City and the provinces of Tay Ninh, Binh Phuoc, Dong Nai, Tra Vinh, Kien Giang and An Giang. Most of the Cham people in this region follow the Islamic religion, continue to preserve the traditional values, and at the same time absorb new cultural values, contributing to the unity in diversity of Cham culture and Vietnamese ethnic culture. In the Southern, the living space is not quite similar to the Cham ethnic people in the Central region and South Central region, has been formed specific Cham cultural values of Southern. Understanding the cultural adaptability and creativity of the Cham community in the Southern to have an appropriate maintenance and development strategy is essential in the context of Vietnam's integration and development today.

Keywords

Cham ethnic group; Cham Islam; Cham in the South; Cham culture; Beliefs; Religion; Sustainable development.